TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 99/2020/DS-PT
Ngày: 15 - 5 - 2020
V/v tranh chấp hợp đồng vay, hợp đồng dịch vụ

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Thanh Hùng
Các Thẩm phán: Ông Phạm Việt Trung
Ông Nguyễn Thành Lập

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hồng Nhi là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Màu - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 08/2020/TLPT-DS ngày 06 tháng 01 năm 2020 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay, hợp đồng dịch vụ".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 187/2019/DS-ST ngày 11 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 121/2020/QĐ-PT ngày ngày 30 tháng 3 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Công ty Cổ phần Đ.

Địa chỉ: Số 176, đường P, Phường 6, Thành phố C.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Sơn Đ – Chức vụ Phó giám đốc. (có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp nguyên đơn: Luật sư Đặng Minh H – Văn phòng Luật sư Minh H, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Cà Mau. (có mặt)

Địa chỉ: Số 24, đường 3/2, phường 5, Thành phố Cà Mau.

- *Bị đơn:* Ông Trần Phú L, sinh năm 1984. (có mặt)

Địa chỉ: Số 173, đường N, khóm 8, phường 5, Tp. C.

Đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Đào Công K, sinh năm 1964

Địa chỉ: Số 10D, Lê Hồng Phong, khóm 7, phường 8, thành phố C. (có mặt)

- *Người kháng cáo:* Công ty Cổ phần Đ – nguyên đơn và ông Trần Phú L – bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn nguyên đơn trình bày: Ông Trần Phú L nguyên là đội trưởng đội thi công số 14 của Công ty cổ phần Đ (gọi tắt là Công ty). Theo quy định của Công ty, trường hợp Công ty đấu thầu thành công, công trình sẽ giao khoán lại cho đội xây dựng (trong đó có đội số 14 do ông L làm đội trưởng). Công ty sẽ trích lại 10% giá trị hợp đồng để nộp thuế và 6% chi phí quản lý của Công ty. Quá trình làm việc từ ngày 30/3/2012 đến 31/12/2016, ông L đã được Công ty giao thực hiện nhiều công trình, trong đó có công trình Lộ giao thông nông thôn Cống Cà Mau – Tắc Vân. Trong quyền hạn đội trưởng, ông L được Công ty hỗ trợ tiền vay để triển khai thi công các công trình do Công ty trúng thầu với lãi suất căn cứ vào mức lãi suất tiền vay của Ngân hàng thương mại. Đến ngày 31/12/2015, qua bản đối chiếu công nợ ông L đã vay của Công ty 9.024.478.897 đồng. Để tạo điều kiện cho ông L trả nợ, Công ty tiếp tục cho ông L tham gia thi công đối với các công trình còn đang thực hiện chưa hoàn thành. Đến ngày 31/12/2016, Công ty thanh lý các công trình đã thi công và đối chiếu công nợ các khoản vay trong năm, các khoản chi cho đội do chủ đầu tư trả tiền các công trình đã thi công thì ông L đã không hợp tác để đối chiếu. Sau khi Công ty đối chiếu tất cả các khoản tiền giữa Công ty và ông L thì ông L còn nợ lại Công ty 2.491.388.576 đồng. Nay Công ty cổ phần Đ yêu cầu Tòa án buộc ông Trần Phú L thanh toán khoản tiền còn nợ Công ty và tiến hành các thủ tục tài chính liên quan đến các khoản tiền do chủ đầu tư chi trả để giảm nợ vay và thanh lý chi phí các hợp đồng giao khoán thi công giữa Công ty với ông L. Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn rút lại đối với yêu cầu bị đơn tiến hành các thủ tục tài chính liên quan.

Đối với yêu cầu phản tố của ông L thuộc phần công trình Cà Mau – Tắc Vân, do trong quá trình thực hiện công trình, ông L đã bỏ ngang công việc nên Công ty đã phải bỏ chi phí tiếp tục thi công công trình. Sau đó, Công ty đã tiến hành thanh lý và chi trả tất cả các khoản chi trả cho ông L để đối trừ vào số nợ 9.024.478.897 đồng, ông L còn nợ lại công ty 2.491.388.576 đồng nên Công ty không đồng ý trả cho ông L số tiền 4.200.912.065 đồng theo yêu cầu phản tố của ông L. Đối với công trình Cà Mau -Tắc Vân, Công ty đã hoàn thành thi công và đưa vào sử dụng từ năm 2017, đã phân chia khối lượng và xác định được khối lượng công việc từng đội thực hiện, đồng thời công trình này đã đưa vào sử dụng nên không thể giám định được, vì vậy Công ty không yêu cầu giám định.

Bị đơn trình bày: Ông Trần Phú L thừa nhận từ ngày 30/3/2012 đến 31/12/2016, ông L đã được Công ty giao khoán thực hiện các công trình đúng như đại diện Công ty trình bày. Quá trình thực hiện hợp đồng Công ty có cho ông L vay tiền nhiều lần lãi suất theo quy định Ngân hàng nhưng quá trình thực hiện hợp đồng các bên có thỏa thuận khi có nguồn tiền từ chủ đầu tư chuyển trả Công ty, thì

Công ty phải đối trừ ngay nhưng Công ty không đối trừ vào nguồn tiền vay để giảm lãi theo đúng thỏa thuận mà buộc ông L phải ký xác nhận nợ là không đúng. Đối với việc Công ty cho rằng ông L đã vay nợ công ty 9.024.478.897 đồng là không chính xác, bởi lẽ trong số tiền này bao gồm tiền ứng, tiền vay, tiền lãi và theo quy định là luôn luôn nhỏ hơn giá trị công trình ông L thi công, ông L yêu cầu Công ty làm rõ chi tiết các khoản nhưng Công ty không thực hiện do đó hiện Công ty yêu cầu ông L thanh toán số tiền 2.491.388.576 đồng là không có cơ sở nên không đồng ý yêu cầu của Công ty.

Ngoài ra ông L còn có đơn phản tố cho rằng quá trình thực hiện hợp đồng giao khoán Công ty chưa thanh toán các khoản ông L đã thi công như: Lớp CPĐD loại 1 từ km 14 + 484 đến km 9 + 424, lớp CPĐD loại 2 từ km 14+484 đến 9 km9+424, láng nhựa từ Km 12 + 526 đến km 14 + 484, tưới nhựa từ km 12+526 đến km 14 + 484, lớp nhựa CPĐD loại 1 từ km 0 + 600 đến km 1 + 600, tưới nhựa từ km 0 + 600 đến km 1 + 600 theo biên bản số 53 đến 57, thời điểm từ ngày 27/01/2016 đến 12/9/2016, tổng cộng số tiền chưa thanh toán này là 3.560.094.000 đồng và lãi chậm trả tính từ ngày 01/01/2017 đến ngày phản tố là 640.817.094 đồng, tại phiên tòa sơ thẩm người đại diện của ông L thay đổi yêu cầu bổ sung đến ngày 01/11/2019 nên yêu cầu lãi là 679.622.000 đồng.

Từ nội dung trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số 187/2019/DS-ST ngày 11 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau đã quyết định:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu của Công ty cổ phần Đ. Buộc ông Trần Phú L có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty cổ phần Đ số tiền là 1.591.035.008 đồng. Không chấp nhận yêu cầu của Công ty cổ phần Đ về việc buộc ông Trần Phú L thanh toán số tiền là 900.353.568 đồng.

Đình chỉ phần yêu cầu của Công ty cổ phần Đ về việc buộc ông Trần Phú L tiến hành các thủ tục tài chính liên quan đến các khoản tiền do chủ đầu tư chi trả để giảm nợ vay và thanh lý chi phí các hợp đồng giao khoán thi công giữa công ty với ông L.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu của ông Trần Phú L. Buộc Công ty cổ phần Đ có nghĩa vụ thanh toán cho ông Trần Phú L số tiền là 3.560.094.971 đồng. Không chấp nhận yêu cầu của ông Trần Phú L số tiền lãi 640.817.094 đồng.

3. Đối trừ nghĩa vụ, buộc Công ty cổ phần Đ phải thanh toán cho ông Trần Phú L số tiền là 1.969.059.963 đồng.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo quy định.

Ngày 22/11/2019, Công ty cổ phần Đ kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty và bác toàn bộ yêu cầu phản tố của ông Trần Phú L.

Ngày 25/11/2019, ông Trần Phú L kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu tiền lãi của bị đơn, buộc Công ty cổ phần Đ phải thanh toán số tiền lãi là 679.622.000 đồng. Ngày 17/4/2020, ông L

thay đổi nội dung kháng cáo, yêu cầu Công ty cổ phần Đ thanh toán số tiền lãi là 465.749.934 đồng. Tổng hai khoản vốn và lãi là 4.025.843.934 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Công ty và ông L vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau phát biểu quan điểm: Đề nghị chấp nhận một phần kháng cáo của Công ty và không chấp nhận kháng cáo của ông L. Sửa một phần bản án sơ thẩm – không chấp nhận toàn bộ phản tố của ông Trần Phú L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét kháng cáo của nguyên đơn Công ty cổ phần Đ về việc yêu cầu Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là buộc ông Trần Phú L thanh toán cho công ty số tiền 2.491.388.576 đồng. Hội đồng xét xử thấy rằng, Công ty khởi kiện căn cứ vào bản đối chiếu công nợ ngày 31/12/2015 xác định ông L đã vay Công ty 9.024.478.897đ, sau khi Công ty cấn trừ các khoản thì Công ty xác định ông L còn nợ lại Công ty là 2.491.388.576 đồng, nhưng Công ty không có chứng cứ chứng minh cho các khoản cấn trừ và phía bị đơn cũng không đồng ý vì Công ty chưa làm rõ các khoản. Đồng thời, ngày 15/9/2016, hai bên tiếp tục đối chiếu công nợ và hai bên thừa nhận biên bản này là biên bản đối chiếu sau cùng, xác định ông L còn nợ Công ty là 1.591.035.008 đồng. Do đó, cấp sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tại phiên tòa phúc thẩm đại diện cho bị đơn thừa nhận khoản nợ này, cho thấy việc buộc ông L thanh toán cho Công ty số tiền 1.591.035.008 đồng là có cơ sở.

Đối với khoản lãi phát sinh trên số tiền vốn 1.591.035.008 đồng là 429.579.952 đồng. Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn đặt ra yêu cầu và cho rằng số tiền này nằm trong số tiền khởi kiện trước đây. Xem xét Đơn khởi kiện (BL 72) không nêu nội dung này và đơn kháng cáo cũng không đặt ra. Do vậy yêu cầu này là vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu nên cấp phúc thẩm không đề cập xem xét.

[2] Đối với kháng cáo của nguyên đơn về việc yêu cầu Tòa án bác yêu cầu phản tố của bị đơn về việc buộc Công ty thanh toán số tiền 3.560.094.971 đồng. Hội đồng xét xử thấy rằng, giao dịch của hai bên dựa trên hợp đồng giao khoán số 70/HĐGK ngày 31/12/2013 giữa Công ty cổ phần Đ với Đội xây dựng số 14. Theo đó, Công ty giao cho Đội số 14 thi công công trình "Nâng cấp mở rộng tuyến đường giao thông nông thôn từ cống Cà Mau đi Tắc Vân". Theo ông L, ông đã thực hiện một số phần việc nhưng do Công ty không rõ ràng trong quá trình thanh toán và đối trừ vốn vay nên ông ngừng thi công, những phần việc Đội ông thực hiện đã có nghiệm thu theo các Biên bản nghiệm thu nội bộ công việc xây dựng từ số 53 đến 57, thời gian thực hiện từ ngày 27/01/2016 đến 12/9/2016, tổng số tiền Công ty chưa thanh toán là 3.560.094.971 đồng. Công ty không thừa nhận và cho

rằng ông L tự ý chấm dứt thi công, Công ty đã làm các phần việc còn lại thay cho Đội 14 để kịp tiến độ theo Hợp đồng mà Công ty đã giao kết với chủ đầu tư. Các phần việc theo biên bản nghiệm thu từ 53 đến 57 là do Công ty thực hiện sau đó nhờ ông L ký biên bản nghiệm thu để hợp thức hóa hồ sơ.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông K đại diện cho bị đơn cho rằng sau đối chiếu công nợ ngày 15/9/2016 ông L có tiếp tục thi công đến khoảng đầu tháng 10 năm 2016 thì ngưng, song không đưa ra thêm những chứng cứ mới để chứng minh. Trong khi đó tại phiên tòa phúc thẩm ông Khoa là người trực tiếp theo dõi và quản lý việc thi công thống nhất theo ý kiến của Công ty là ông L ngưng thi công vào khoảng cuối năm 2015 và các biên bản nghiệm thu ông L đưa để yêu cầu phản tố là do chính ông là người đưa ông L ký dùm; về thực chất là Công ty trực tiếp thi công và ông là người tiếp tục quản lý công trình sau khi ông L ngưng. Lời khai này phù hợp với ý kiến của đại diện bị đơn là các khối lượng nghiệm thu nội bộ này đến nay ông L cũng chưa đưa hóa đơn mua vật tư cho Công ty, trong khi đó Công ty đã quyết toán công trình theo quy định. Hơn nữa khối lượng theo các biên bản nghiệm thu nội bộ công việc được thi công trước ngày 15/9/2016 (là ngày đối chiếu sau cùng) thì việc không đưa vào khi đối chiếu theo trình bày của bị đơn trong khi ông là người trực tiếp thi công là thiếu tính thuyết phục. Tại phiên tòa phúc thẩm ông L cũng thừa nhận việc ký biên bản đối chiếu là có và ông hoàn toàn tự nguyện. Với những cơ sở trên cho thấy khối lượng theo biên bản nghiệm thu nội bộ số 53 đến 57 do Công ty trực tiếp thi công là có cơ sở chấp nhận.

Xét biên bản đối chiếu công nợ đôi bên lập vào 15/9/2016 (BL 852, 853), hai bên thừa nhận biên bản này là biên bản đối chiếu sau cùng. Xét các biên bản nghiệm thu ông L cho rằng chưa thanh toán là từ ngày 27/01/2016 đến 12/9/2016, tức trước ngày 15/9/2016.

Với những nội dung trên cho thấy phần khối lượng ông L cho rằng chưa đối trừ là chưa có cơ sở. Do đó, cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn, buộc Công ty thanh toán cho ông L số tiền 3.560.094.971 đồng, tương ứng với phần việc mà Đội 14 đã thực hiện là không có cơ sở. Nên yêu cầu kháng cáo của Công ty là được chấp nhận.

[3] Xét kháng cáo của bị đơn ông Trần Phú L về việc yêu cầu tính lãi đối với số tiền 3.560.094.000 đồng. Như nhận định trên phần phản tố là không được chấp nhận, nên phần lãi không được chấp nhận.

[4] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của Công ty cổ phần Đ và không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Trần Phú L. Do sửa án sơ thẩm nên án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch được điều chỉnh lại theo quy định; yêu cầu kháng cáo của Công ty được chấp nhận nên Công ty không phải chịu án phí phúc thẩm; yêu cầu kháng cáo của ông L không được chấp nhận nên phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của Công ty cổ phần Đ và không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Trần Phú L.

Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số: 187/2019/DS-ST ngày 11 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau.

Tuyên xử:

- Chấp nhận một phần yêu cầu của Công ty cổ phần Đ. Buộc ông Trần Phú L có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty cổ phần Đ số tiền là 1.591.035.008 đồng *(Một tỷ năm trăm chín mươi mốt triệu, không trăm ba mươi lăm ngàn, không trăm linh tám đồng)*.

Không chấp nhận yêu cầu của Công ty Cổ phần Đ về việc buộc ông Trần Phú L thanh toán số tiền là 900.353.568 đồng *(Chín trăm triệu, ba trăm năm mươi ba ngàn, năm trăm sáu mươi tám đồng).*

Đình chỉ phần yêu cầu của Công ty Cổ phần Đ về việc buộc ông Trần Phú L tiến hành các thủ tục tài chính liên quan đến các khoản tiền do chủ đầu tư chi trả để giảm nợ vay và thanh lý chi phí các hợp đồng giao khoán thi công giữa công ty với ông L.

- Không chấp nhận yêu cầu của ông Trần Phú L về việc buộc Công ty cổ phần Đ có nghĩa vụ thanh toán cho ông Trần Phú L số tiền vốn và lãi là 4.025.843.934 đồng *(Bốn tỷ không trăm hai mươi lăm triệu tám trăm bốn mươi ba ngàn, chín trăm ba mươi bốn đồng).*

2. Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

+ Công ty cổ phần Đ phải chịu là 39.010.607 đồng. Vào ngày 13/5/2019 Công ty đã nộp tạm ứng án phí là 40.913.000 đồng theo biên lai số 0000103, đối trừ Công ty được nhận lại 1.902.393 đồng.

+ Ông Trần Phú L phải chịu là 171.756.894 đồng. Vào ngày 26/6/2019 ông đã nộp số tiền tạm ứng án phí là 56.100.000 đồng theo biên lai số 0000345, đối trừ ông L phải tiếp tục nộp số tiền còn lại là 115.656.894 đồng.

- Án phí dân sự phúc thẩm:

+ Công ty cổ phần Đ không phải chịu, Công ty đã dự nộp 300.000 đồng tại biên lai số 0000984 ngày 26/11/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cà Mau, được nhận lại.

+ Ông Trần Phú L phải chịu 300.000 đồng, ông L đã dự nộp 300.000 đồng tại biên lai số 0000985 ngày 27/11/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cà Mau, được chuyển thu.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận*:**
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau;
- Chi cục THADS thành phố Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hà Thanh Hùng